

CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHÁP LÝ

TS. NGUYỄN KIỀU GIANG *

1. Pháp luật về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực ngân hàng

Khái niệm hành vi cạnh tranh không lành mạnh được đưa ra trong Luật cạnh tranh năm 2004, theo đó hành vi cạnh tranh không lành mạnh được hiểu là hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng.⁽¹⁾ Như vậy, dấu hiệu để nhận biết hành vi cạnh tranh không lành mạnh là: a) Hành vi cạnh tranh giữa các doanh nghiệp; b) Hành vi trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh; c) Hành vi gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng.

Nhìn chung, khái niệm và các dấu hiệu của hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong pháp luật Việt Nam tương đồng với pháp luật các nước và thông lệ quốc tế⁽²⁾ như Luật về bảo vệ cạnh tranh trên thị trường dịch vụ tài chính của Liên bang Nga năm 1999,⁽³⁾ các luật cạnh tranh của các nước khác cũng có quy định tương tự.

Điều 39 Luật cạnh tranh quy định chi tiết

các hành vi được coi là cạnh tranh không lành mạnh, bao gồm: 1) Chi dẫn gây nhầm lẫn; 2) Xâm phạm bí mật kinh doanh; 3) Ép buộc trong kinh doanh; 4) Gièm pha doanh nghiệp khác; 5) Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác; 6) Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh; 7) Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh; 8) Phân biệt đối xử của hiệp hội; 9) Bán hàng đa cấp bất hợp pháp; 10) Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác do Chính phủ quy định.

Các hành vi này phổ biến trong hoạt động kinh doanh nói chung nhưng lĩnh vực ngân hàng là lĩnh vực kinh doanh đặc thù nên đòi hỏi phải có những hướng dẫn cụ thể riêng về vấn đề này. Mặc dù vậy, cho đến thời điểm hiện nay, mới chỉ có một vài quy định rải rác trong các văn bản pháp luật về vấn đề này mà chưa có những quy định chi tiết mang tính đặc thù cho lĩnh vực ngân hàng.

Điều 16 Luật các tổ chức tín dụng đưa ra những hành vi cạnh tranh không lành mạnh, bao gồm:

- Khuyến mại bất hợp pháp;
- Cung cấp các thông tin để gây hiểu

* Giảng viên Khoa pháp luật kinh tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

nhằm (dưới bất kì hình thức nào) có hại cho các tổ chức tín dụng và khách hàng khác;

- Đầu cơ dẫn đến lũng đoạn tỉ giá ngoại tệ, vàng và thị trường tiền tệ;

- Các hành vi cạnh tranh bất hợp pháp khác.⁽⁴⁾

Đây là danh mục các hành vi cạnh tranh không lành mạnh chưa đầy đủ và được thiết kế theo hướng mở. Ngân hàng nhà nước cũng chưa có văn bản nào để cụ thể hóa điều luật trên. Như vậy, nếu xuất hiện các hành vi khác không được chỉ rõ trong danh mục trên thì buộc phải áp dụng các dấu hiệu nhận biết chung của một hành vi cạnh tranh không lành mạnh để xác định. Tuy nhiên, điều đó cũng không dễ dàng bởi lẽ hoạt động ngân hàng là hoạt động chuyên môn cao đòi hỏi phải có những quy định cụ thể. Điều này xuất phát từ những nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, hoạt động ngân hàng là hoạt động rủi ro cao và mang tính dây chuyền. Do vậy, hậu quả mà hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra thường rất lớn, trên diện rộng và có nguy cơ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống ngân hàng. Tin đồn thất thiệt do một ngân hàng tung ra đối với ngân hàng là đối thủ cạnh tranh có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng này, bên cạnh đó còn ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng của ngân hàng này và của những người khác có liên quan.

Thứ hai, hậu quả của cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực ngân hàng thường diễn ra nhanh chóng và khắc phục rất khó khăn. Hoạt động ngân hàng gắn liền với niềm tin của người gửi tiền vào ngân hàng nên khi

niềm tin vào ngân hàng bị một hành vi cạnh tranh không lành mạnh làm cho đổ vỡ thì hậu quả diễn ra rất nhanh chóng và phải mất nhiều thời gian mới phục hồi lại được.

Thứ ba, cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực ngân hàng có tác động nhất định đến nền kinh tế. Hệ thống ngân hàng được coi là xương sống của nền kinh tế, là nơi tập trung những nguồn vốn lớn của xã hội. Ngân hàng là trung gian giữa người thừa vốn và người thiếu vốn. Vậy nên, khi ngân hàng bị ảnh hưởng bởi cạnh tranh không lành mạnh thì cả người thừa vốn và người thiếu vốn sẽ bị ảnh hưởng theo. Bên cạnh đó, mọi biến động của mỗi mắt xích trong hệ thống ngân hàng đều gây ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và từng lĩnh vực có liên quan nói riêng.

Thứ tư, hoạt động ngân hàng mang tính chuyên ngành cao. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng vì vậy mà mang tính chất chuyên ngành và tinh vi hơn. Điều này đòi hỏi các cơ quan chức năng mà cụ thể là Ngân hàng nhà nước phải nhận diện và cụ thể hóa các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực này.

Trong bối cảnh chưa có các văn bản của Ngân hàng nhà nước quy định chi tiết về vấn đề này, điều cần thiết là phải chỉ ra những dấu hiệu chung của hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực ngân hàng để giúp nhận diện được các hành vi này. Để làm được điều đó, có thể sử dụng các dấu hiệu cạnh tranh không lành mạnh được ghi nhận ở trong Luật cạnh tranh trên cơ sở có

tính đến các đặc thù của lĩnh vực ngân hàng. Theo chúng tôi, các dấu hiệu này bao gồm: 1) Cạnh tranh giữa các tổ chức tín dụng với nhau hoặc với tổ chức khác có hoạt động ngân hàng; 2) Hành vi trái với chuẩn mực kinh doanh ngân hàng; 3) Hành vi gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại cho tổ chức tín dụng khác, ảnh hưởng đến an toàn hệ thống ngân hàng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của khách hàng.

Cùng với việc chỉ ra các dấu hiệu nhận biết, cũng cần xem xét các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong thương mại nói chung có tính đến yếu tố đặc thù của ngành ngân hàng.

2. Nhận diện các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực ngân hàng

2.1. Cung cấp thông tin để gây hiểu lầm có hại cho các tổ chức tín dụng và khách hàng khác

Trong hoạt động thương mại nói chung, việc cung cấp thông tin để gây nhầm lẫn thường liên quan tới sự không rõ ràng về việc nhận dạng nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ, ví dụ thông tin khiến khách hàng nhầm lẫn trong việc xác định xuất xứ hàng hóa.

Trong hoạt động ngân hàng, việc cung cấp thông tin thông tin gây hiểu lầm có thể được thể hiện như:

a. Sử dụng các tên gọi, logo, chỉ dẫn địa lí để gây nhầm lẫn với các tổ chức tín dụng nước ngoài, khiến cho khách hàng tưởng nhầm dịch vụ đó do tổ chức tín dụng uy tín hoặc nổi tiếng cung cấp.

b. Cung cấp thông tin sai sự thật về các

chiến lược trong tương lai với các đối tác nước ngoài như: Đối tác nước ngoài mua cổ phần, kí kết hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ... khiến cho khách hàng lầm tưởng vào khả năng tài chính, khả năng kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2.2. Xâm phạm bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng

Theo khoản 11 Điều 3 Luật cạnh tranh thì bí mật kinh doanh là thông tin thỏa mãn các điều kiện sau:

- Không phải là hiểu biết thông thường và đạt được bằng cách thông thường;

- Giúp người nắm giữ thông tin đó có lợi thế hơn những người không nắm giữ hoặc không sử dụng thông tin đó;

- Được người chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để thông tin đó không bị tiết lộ và không dễ dàng tiếp cận được.

Xuất phát từ quy định chung này, bí mật kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm những bí mật liên quan đến hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng (trừ những bí mật mà theo quy định của pháp luật phải công khai), bí mật liên quan đến tài khoản của khách hàng. Những thông tin liên quan đến chiến lược phát triển của tổ chức tín dụng, các hợp đồng, giao dịch, tình hình tài chính... đều được coi là những bí mật kinh doanh. Ngoài ra, những thông tin liên quan đến khách hàng gửi tiền (ví dụ, số dư tiền gửi của khách hàng, các giao dịch phát sinh trên tài khoản của khách hàng) cũng được coi là thông tin mật và pháp luật ngân hàng ràng buộc trách nhiệm của tổ chức tín dụng

phải giữ bí mật thông tin này trừ trường hợp phải tiết lộ theo yêu cầu của cơ quan pháp luật có thẩm quyền (khoản 3 Điều 17, Điều 101 Luật các tổ chức tín dụng).

Các hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng có thể bao gồm:

- Tiếp cận thông tin, phá hệ thống bảo mật của tổ chức tín dụng nhằm chiếm đoạt những thông tin bảo mật của tổ chức tín dụng;

- Tiết lộ những thông tin thuộc bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng mà không được phép;

- Lừa gạt, mua chuộc, lợi dụng lòng tin của nhân viên bảo mật của tổ chức tín dụng cạnh tranh nhằm thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng này;

- Tiếp cận thông tin, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh của tổ chức tín dụng khi tổ chức tín dụng này làm các thủ tục hành chính nhà nước (ví dụ, đăng kí thêm loại hình dịch vụ ngân hàng) hoặc dùng các biện pháp thâm nhập hệ thống thông tin bảo mật của cơ quan nhà nước để chiếm đoạt thông tin về tổ chức tín dụng khác nhằm mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh của mình.

2.3. Ép buộc khách hàng trong kinh doanh

Điều 42 Luật cạnh tranh cấm doanh nghiệp ép buộc khách hàng ngừng giao dịch với doanh nghiệp khác hoặc không giao dịch với doanh nghiệp đó. Hành vi ép buộc khách hàng xảy ra khi doanh nghiệp lạm dụng vị trí của mình để đưa ra những yêu cầu không hợp pháp đối với khách hàng nhằm ràng buộc khách hàng chỉ giao dịch với mình.

Trong hoạt động ngân hàng, hành vi ép buộc khách hàng có thể thể hiện trong việc

ngân hàng cấp tín dụng cho khách hàng kèm theo các điều kiện bất hợp lí như chỉ được sử dụng các dịch vụ kèm theo do ngân hàng đó cung cấp hoặc phải mở tài khoản duy nhất ở ngân hàng đó mà không được có tài khoản ở ngân hàng khác... Hành vi của ngân hàng trong những trường hợp này bị coi là vi phạm quyền lợi của khách hàng trong việc lựa chọn dịch vụ cũng như vi phạm quyền tự do kinh doanh của các tổ chức tín dụng khác.

2.4. Gièm pha tổ chức tín dụng khác

Điều 43 Luật cạnh tranh quy định gièm pha các doanh nghiệp khác là hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp đưa ra thông tin không trung thực gây ảnh hưởng xấu tới uy tín, tình trạng tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đó. Trong hoạt động ngân hàng, hành vi gièm pha các tổ chức tín dụng khác có thể được thể hiện như: Nói xấu tổ chức tín dụng khác, tung tin không chính xác về tình hình tổ chức hoặc hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng khác nhằm gây khó khăn cho hoạt động của tổ chức này. Ví dụ, Ngân hàng ACB bị tung tin là tổng giám đốc bỏ trốn khiến khách hàng gửi tiền đồng loạt đòi rút tiền. Mặc dù chưa thể xác định được đây có phải là tin đồn do ngân hàng khác đưa ra hay không nhưng nếu các cơ quan chức năng xác định được điều này thì đây có thể coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh thông qua việc gièm pha tổ chức tín dụng khác.

2.5. Gây rối hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng khác

Đây là hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp cản trở, làm gián đoạn hoạt động kinh

doanh của các tổ chức tín dụng khác. Ví dụ, chi nhánh của một ngân hàng có hành vi cản trở hoạt động bình thường của chi nhánh ngân hàng khác trên địa bàn thông qua các hành động như thuê người đứng tại chi nhánh đó và cản trở khách hàng vào giao dịch với chi nhánh đó hoặc tìm cách làm phá hoại hệ thống máy tính khiến việc thanh toán qua chi nhánh đó bị gián đoạn hoặc không thực hiện được.

Những hành vi này nếu ở mức độ nhẹ thì xử lý theo quy định của pháp luật cạnh tranh, nếu nặng thì sẽ bị xử lý theo luật hình sự.

2.6. Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh

Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh là hành vi quảng cáo sai sự thật về mình. Đối với tổ chức kinh doanh thông thường, hành vi này có thể gây nhầm lẫn và dẫn đến hậu quả không nhỏ đối với một bộ phận khách hàng. Tuy nhiên, hậu quả của quảng cáo sai sự thật của một tổ chức tín dụng sẽ lớn hơn nhiều bởi lẽ nó có số lượng khách hàng lớn nên phạm vi ảnh hưởng lớn hơn và cao hơn hết là có thể dẫn đến sự mất niềm tin của khách hàng vào cả hệ thống ngân hàng.

Trong lĩnh vực ngân hàng, hành vi quảng cáo sai sự thật có thể được thể hiện như tổ chức tín dụng quảng cáo sai sự thật về khả năng tài chính, số lượng chi nhánh, mạng lưới phục vụ, chất lượng và số lượng dịch vụ, đội ngũ nhân viên... Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh cũng có thể là hành vi so sánh dịch vụ mình cung cấp với dịch vụ của các tổ chức tín dụng khác theo

hướng làm giảm uy tín của các tổ chức tín dụng khác, gây nhầm lẫn cho khách hàng để nhằm mục đích làm giảm lượng khách hàng của các tổ chức tín dụng này.

Bất chước sản phẩm quảng cáo của tổ chức tín dụng khác cũng thuộc nhóm hành vi này. Việc bất chước như vậy sẽ làm cho khách hàng nhầm lẫn về dịch vụ mình cung cấp là dịch vụ mà khách hàng đã biết và tín nhiệm trước đó do tổ chức tín dụng khác cung cấp.

2.7. Lạm dụng cơ chế lãi suất trong cạnh tranh

Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp. Các tổ chức tín dụng cũng không phải là ngoại lệ. Các tổ chức tín dụng được quyền ấn định lãi suất kinh doanh của mình trên cơ sở lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố trong từng thời kì. Mặc dù vậy, vẫn có thể xảy ra hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh thông qua việc lạm dụng cơ chế lãi suất mờ.

Có thể xem xét hai thành tố của cơ chế lãi suất: Lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Hai thành tố này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và quyết định hiệu quả hoạt động ngân hàng. Bởi lẽ, phần lớn lợi nhuận ngân hàng của Việt Nam hiện nay thu được đều từ sự chênh lệch lãi suất huy động và lãi suất cho vay trong hoạt động ngân hàng truyền thống là đi vay để cho vay.

Thực tế thời gian qua cho thấy các ngân hàng đã tham gia vào “cuộc chiến lãi suất tiền gửi” nhằm mục đích tăng thị phần huy

động vốn của mình. Để thực hiện được điều này, các ngân hàng đua nhau nâng mức lãi suất huy động tiền gửi mà không cần quan tâm đến hiệu quả kinh tế. Nếu việc đưa ra lãi suất huy động vốn cao dựa trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế và có lợi nhuận thì đây là cạnh tranh lành mạnh. Tuy nhiên, nếu lãi suất được đưa ra trên cơ sở tổ chức tín dụng chấp nhận lỗ để giành thị phần (đây được coi như bán dịch vụ dưới giá thành) thì lại là cạnh tranh không lành mạnh.

Cạnh tranh không lành mạnh cũng có thể hiện diện trong hoạt động cho vay. Bên cạnh việc giảm lãi suất cho vay để thu hút khách hàng, các ngân hàng dưới sức ép của cạnh tranh và vì chạy theo lợi nhuận mà có thể bỏ qua các quy định an toàn của Ngân hàng nhà nước. Một ví dụ điển hình là thời gian qua Ngân hàng nhà nước đã có chỉ thị về hạn chế cho vay đầu tư chứng khoán nhưng một số ngân hàng vẫn chưa tuân thủ nghiêm túc hoặc vẫn tìm cách “lách” quy định này.⁽⁵⁾ Đây là một hành vi cạnh tranh không lành mạnh bởi lẽ nó gây bất lợi cho các ngân hàng tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng nhà nước.

2.8. Khuyến mãi nhằm cạnh tranh không lành mạnh

Hoạt động khuyến mãi là hoạt động xúc tiến thương mại bình thường của các tổ chức tín dụng. Thực tế thời gian qua cho thấy trong cuộc chiến lãi suất, nhiều ngân hàng đưa ra các chương trình khuyến mãi (bắt thăm trúng thưởng) hoặc tặng quà nhằm thu hút người gửi tiền. Mặc dù vậy, vẫn có

những hoạt động khuyến mãi có thể bị coi là cạnh tranh không lành mạnh và bị pháp luật cấm. Điều 46 Luật cạnh tranh đưa ra một số hình thức khuyến mãi bị cấm. Bên cạnh đó, Nghị định của Chính phủ số 37/2006/NĐ-CP về xúc tiến thương mại cũng quy định những hình thức khuyến mãi thương nhân được phép tiến hành. Trên cơ sở các quy định trong hai văn bản này có thể rút ra các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân hàng như sau:

a) Tổ chức khuyến mãi có sự gian dối về giải thưởng (ví dụ, tổ chức khuyến mãi không được phép, không công khai, không có sự hiện diện của đại diện sở thương mại, tổ chức khuyến mãi mà những người trúng thưởng toàn là người nhà của nhân viên ngân hàng);

b) Khuyến mãi không trung thực hoặc gây nhầm lẫn về hàng hóa để lừa dối khách hàng (ví dụ, khuyến mãi phát hành thẻ thanh toán miễn phí nhưng không giải thích rõ cho khách hàng khiến khách hàng tưởng lầm thẻ tín dụng);

c) Phân biệt đối xử đối với các khách hàng như nhau tại các địa bàn tổ chức khuyến mãi khác nhau trong cùng một chương trình khuyến mãi (ví dụ, các chi nhánh đưa ra các mức thưởng khác nhau);

d) Cung ứng dịch vụ trong chương trình khuyến mãi với giá rẻ hơn giá thành với thời gian vượt quá 45 ngày.⁽⁶⁾ Đây có thể là hiện tượng bán phá giá dịch vụ, nếu kéo dài trong thời gian dài sẽ ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các ngân hàng có ít khả năng tài chính hơn.

Những hành vi khuyến mãi này cản trở

hoạt động cạnh tranh bình thường giữa các tổ chức tín dụng và phải bị coi là cạnh tranh không lành mạnh.

2.9. Phân biệt đối xử của hiệp hội

Hiện nay, các tổ chức kinh tế được tự do thỏa thuận thành lập các hiệp hội nghề nghiệp để giúp nhau hoạt động và bảo vệ cho quyền lợi của mình. Ở Việt Nam đã có Hiệp hội ngân hàng Việt Nam. Trong tương lai có thể có các hiệp hội khác nữa trong lĩnh vực ngân hàng. Điều đặc biệt quan trọng là các hiệp hội này không được có những hoạt động mang tính phân biệt đối xử với các tổ chức tín dụng (ví dụ, không được từ chối tổ chức tín dụng gia nhập hội viên vì những lí do như quy mô vốn, lĩnh vực hoạt động, địa bàn hoạt động). Tất cả các tổ chức tín dụng là thành viên của các hiệp hội phải được đối xử bình đẳng như nhau. Nghiêm cấm việc hạn chế bất hợp lí hoạt động kinh doanh hoặc các hoạt động khác có liên quan tới mục đích kinh doanh của các tổ chức tín dụng thành viên.

2.10. Đầu cơ dẫn đến lũng đoạn tỉ giá ngoại tệ, vàng và thị trường tiền tệ

Hoạt động mua, bán ngoại tệ và vàng là hoạt động kinh doanh bình thường của các tổ chức tín dụng nếu được Ngân hàng nhà nước cấp phép. Tuy nhiên, nếu một tổ chức tín dụng hoặc nhóm tổ chức tín dụng lợi dụng quyền này, thỏa thuận đầu cơ nhằm lũng đoạn tỉ giá ngoại tệ, vàng và thị trường tiền tệ thì hậu quả sẽ rất tai hại. Trước hết, hành vi này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động cạnh tranh bình thường trong lĩnh vực ngân hàng, ảnh hưởng đến việc kinh doanh ngoại tệ và

vàng của các tổ chức tín dụng khác. Bên cạnh đó, tỉ giá ngoại tệ và giá vàng có tác động rất lớn đến nền kinh tế, do vậy, mọi sự biến động của những chỉ số này chắc chắn sẽ tác động trực tiếp đến sự bình ổn của nền kinh tế trong đó có hệ thống ngân hàng.

3. Kết luận

Mặc dù Việt Nam đã có pháp luật điều chỉnh cạnh tranh nói chung và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói riêng, tuy nhiên, những quy định này được áp dụng chung cho lĩnh vực thương mại. Lĩnh vực ngân hàng là lĩnh vực chuyên ngành với những đặc thù riêng, cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực này có những dấu hiệu đặc trưng riêng cần phải được thể chế hóa. Điều này đòi hỏi cần phải có các quy định pháp luật điều chỉnh cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng để thuận tiện cho việc áp dụng trong thực tiễn. Trong phạm vi thẩm quyền của mình, trên cơ sở Luật cạnh tranh và Luật các tổ chức tín dụng, Ngân hàng nhà nước có thể ban hành thông tư hướng dẫn chi tiết vấn đề này. Đây sẽ là cơ sở pháp lí quan trọng để các cơ quan chức năng nhận diện cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực này và có biện pháp xử lí thích hợp./.

-
- (1).Xem: Khoản 4 Điều 3 Luật cạnh tranh năm 2004.
 - (2).Xem: Lê Hoàng Oanh, "*Bình luận khoa học Luật cạnh tranh*", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2005.
 - (3).Xem: www.rambler.ru/laws
 - (4).Xem: Luật các tổ chức tín dụng 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2004).
 - (5).Xem: *Tác động của chi thị mới của NHNN đối với TTCK*, Báo thanh niên ngày 6/9/2007.
 - (6).Xem: Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 37/2006/NĐ-CP về xúc tiến thương mại.